

Ý CHÍ TRONG HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN KHOA TÂM LÝ HỌC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Nguyễn Văn Lượ

Khoa Tâm lý học, Trường ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn.

1. Đặt vấn đề

Một trong những hoạt động đặc trưng của sinh viên (SV) ở bậc đại học là hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH). Đối với sinh viên, NCKH có ý nghĩa đặc biệt. Bởi vì, thông qua việc tập dượt nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của các thầy/cô giáo, sinh viên không chỉ thu nhận thêm được kiến thức mới về một vấn đề hay một đối tượng nghiên cứu cụ thể nào đó, mà quan trọng hơn, họ có điều kiện bước đầu áp dụng những phương pháp, những lý thuyết khoa học vào hoạt động thực tiễn. Nhờ đó mà sinh viên nắm chắc hơn những điều đã biết, tự phát hiện ra những điều chưa biết, hoặc chưa nắm vững, để bổ sung, củng cố thêm kiến thức của bản thân. Đồng thời qua đó thắp sáng thêm ngọn lửa của lòng yêu nghề, yêu khoa học.

Hoạt động NCKH là hoạt động đòi hỏi sự huy động trí tuệ cao, do đó, SV Trường Đại học KHXH&NV nói chung, SV Khoa Tâm lý học nói riêng gặp rất nhiều khó khăn, thách thức đòi hỏi họ phải vượt qua.

Trong thời gian gần đây, số lượng và chất lượng tham gia hoạt động NCKH của SV Khoa Tâm lý học có những hạn chế nhất định. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng trên, nhưng trước hết là do sự nỗ lực khắc phục các khó khăn gặp phải trong hoạt động này của SV còn thấp.

Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu thực trạng ý chí trong hoạt động NCKH của SV, từ đó đề xuất các kiến nghị nhằm nâng cao ý chí trong hoạt động NCKH cho SV Khoa Tâm lý học có một ý nghĩa đặc biệt.

2. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

138 sinh viên hệ chính qui của Khoa Tâm lý học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Trong đề tài này chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau đây: phương pháp phân tích tài liệu; phương pháp điều tra bằng bảng hỏi (đây là phương pháp chính của đề tài); phương pháp phỏng vấn sâu và phương pháp thống kê toán học.

3. Kết quả nghiên cứu

Ý chí được biểu hiện thông qua hoạt động, đặc biệt là các hoạt động khó khăn, phức tạp. Ý chí trong hoạt động NCKH của SV được biểu hiện ở những hành vi của SV vượt qua các khó khăn gặp phải trong quá trình tham gia hoạt động này. Tuy nhiên, khi nghiên cứu về ý chí của SV trong hoạt động NCKH không thể không nghiên cứu về động cơ NCKH của họ vì chúng có quan hệ mật thiết với nhau.

Trong nghiên cứu này, khái niệm “ý chí” được hiểu như sau: ý chí là một phẩm chất của nhân cách, mặt năng động của ý thức, biểu hiện ở năng lực thực hiện những hành động có mục đích đòi hỏi phải có sự nỗ lực khắc phục những khó khăn chủ quan và khách quan.

3.1. Động cơ NCKH của SV Khoa Tâm lý học

Ý chí được thể hiện trong hoạt động NCKH của SV Khoa Tâm lý học như thế nào thường phụ thuộc chặt chẽ vào động cơ NCKH của họ. Nếu động cơ NCKH của SV có hiệu lực cao thì họ sẽ thể hiện một sự nỗ lực ý chí lớn để đạt được động cơ đó và ngược lại. Nếu động cơ NCKH của SV mới dừng ở mức độ nhận thức (động cơ tiềm năng chưa có tính hiệu lực) thì thiếu sự nỗ lực ý chí cần thiết để có được động cơ đó hoặc mới đạt ở mức rất thấp.

Để nghiên cứu động cơ trong hoạt động NCKH của SV Khoa Tâm lý học, chúng tôi đã đưa ra câu hỏi: “*Những động cơ dưới đây thúc đẩy bạn NCKH đến mức độ nào?*”. Kết quả thu được như sau:

Bảng 1: Động cơ tham gia NCKH của SV Khoa Tâm lý học

(SL = 138 SV)

| TT | Các động cơ thúc đẩy | Các mức độ | | | | | | ĐTB |
|----|---|--------------|------|--------------|------|---------------|-----|------|
| | | Thường xuyên | | Thỉnh thoảng | | Không bao giờ | | |
| | | SL | % | SL | % | SL | % | |
| 1 | Tôi muốn có các kỹ năng trong NCKH, vì muốn trở thành chuyên gia giỏi thì không thể không có kỹ năng NCKH | 77 | 55.8 | 54 | 39.1 | 7 | 5.1 | 2.51 |
| 2 | Tôi mong muốn phát hiện những điều mới lạ trong khoa học tâm lý | 86 | 62.3 | 50 | 36.2 | 2 | 1.4 | 2.61 |

| | | | | | | | | |
|---|--|-----|------|----|------|-----|------|------|
| 3 | Do Trường và Khoa yêu cầu nên phải nghiên cứu cho đỡ bị thầy/cô đánh giá, phê bình | 6 | 4.3 | 30 | 21.7 | 102 | 73.9 | 2.70 |
| 4 | NCKH để được giải thưởng, được cộng điểm | 14 | 10.1 | 51 | 37 | 73 | 52.9 | 2.40 |
| 5 | Do không làm sợ bị bạn bè chê bai là kém cỏi, hèn nhát | 4 | 2.9 | 17 | 12.3 | 117 | 84.8 | 2.80 |
| 6 | Muốn tập dượt để sau này có thể làm tốt Báo cáo thực tập, Khoá luận tốt nghiệp | 117 | 84.8 | 19 | 13.8 | 2 | 1.4 | 2.83 |

Kết quả ở bảng số liệu trên cho thấy: có 117 SV (chiếm 84.8%) thường xuyên xác định động cơ NCKH là *“Tập dượt để sau này có thể làm tốt Báo cáo thực tập, Khoá luận tốt nghiệp”*, với ĐTB là 2.83; có 86 SV (chiếm 62.3%) thường xuyên xác định động cơ NCKH là *“Tôi mong muốn phát hiện những điều mới lạ trong khoa học tâm lý”*, với ĐTB là 2.61; có 77 SV (chiếm 55.8%) thường xuyên xác định động cơ NCKH là *“Tôi muốn có các kỹ năng trong NCKH vì muốn trở thành chuyên gia giỏi thì không thể không có kỹ năng NCKH”*, với ĐTB là 2.5. Như vậy, SV đã lựa chọn các động cơ NCKH đúng đắn. Đa số là các động cơ hướng tới tiếp thu tri thức, rèn luyện kỹ năng, phương pháp nghiên cứu hoặc “mong muốn” phát hiện những điều lý thú trong khoa học tâm lý. Qua các phỏng vấn sâu cho thấy, SV đề cao vai trò của “kỹ năng”, đặc biệt là “kỹ năng hành nghề” để sau khi ra trường có thể làm được việc: “em nghĩ phải có kỹ năng nghiên cứu thì mới xin được việc” (H, SV K49 Tâm lý học) hoặc “Trường mình đào tạo ra trường trở thành cán bộ nghiên cứu nên em tham gia NCKH để biết cách triển khai đề tài nghiên cứu những vấn đề tâm lý trong xã hội” (Ng, SV K50 Tâm lý học)... Theo chúng tôi, chính việc SV đề cao vai trò của kỹ năng nên đã thúc đẩy họ tham gia NCKH.

Các số liệu đã cho thấy, các động cơ NCKH có nội dung không đúng đắn có tỷ lệ SV lựa chọn rất thấp: có 14 SV (chiếm 10.1%) thường xuyên xác định động cơ NCKH là *“để được giải thưởng, được cộng điểm”*; có 6 SV (chiếm 4.3%) thường xuyên NCKH là *“cho đỡ bị thầy/cô đánh giá, phê bình”* và có 4 SV (chiếm 2.9%) thường xuyên NCKH là *“sợ bị bạn bè chê bai là kém cỏi, hèn nhát”*.

Có thể kết luận rằng: SV Khoa Tâm lý học đã lựa chọn động cơ NCKH đúng đắn (về mặt nội dung). Chính việc xác định động cơ NCKH đúng đắn sẽ là tiền đề thúc đẩy SV vượt qua những khó khăn gặp phải khi tham gia NCKH.

4.2. Những khó khăn SV gặp phải trong hoạt động NCKH

Hoạt động NCKH là hoạt động không dễ, đòi hỏi sự bền bỉ, kiên trì của người thực hiện. Do đó, những khó khăn mà SV gặp phải trong hoạt động này là rất lớn. Để khảo sát những khó khăn mà SV gặp phải trong quá trình triển khai đề tài NCKH của mình, chúng tôi đã thiết kế câu hỏi: *“Trong quá trình triển khai đề tài NCKH bạn thường gặp những khó khăn gì?”*. Kết quả được phản ánh ở bảng 2:

Bảng 2: Các khó khăn mà SV gặp phải khi tham gia NCKH

| TT | Các khó khăn | Các mức độ | | | | | | ĐTB | Thứ bậc |
|----|---|--------------|------|--------------|------|---------------|------|------|---------|
| | | Thường xuyên | | Thỉnh thoảng | | Không bao giờ | | | |
| | | SL | % | SL | % | SL | % | | |
| 1 | Làm sao để hoàn thành đề tài NCKH đúng hạn, có chất lượng mà vẫn đảm bảo việc học tập đạt kết quả tốt | 116 | 84.1 | 20 | 14.5 | 2 | 1.4 | 2.83 | 1 |
| 2 | Thầy/cô hướng dẫn không nhiệt tình | 31 | 22.5 | 70 | 50.7 | 37 | 26.8 | 1.96 | 6 |
| 3 | Khó khăn về kinh phí thực hiện đề tài | 46 | 33.3 | 58 | 42.0 | 34 | 24.6 | 2.09 | 5 |
| 4 | Không biết cách trình bày kết quả nghiên cứu | 49 | 35.5 | 73 | 52.9 | 16 | 11.6 | 2.24 | 3 |
| 5 | Thiếu thôn về tài liệu tham khảo, tra cứu | 44 | 31.9 | 75 | 54.3 | 19 | 13.8 | 2.18 | 4 |
| 6 | Không có nhiều thời gian cho NCKH | 57 | 41.3 | 69 | 50.0 | 12 | 8.7 | 2.33 | 2 |

Qua bảng số liệu trên cho thấy, 84.1% SV thường băn khoăn không biết “*Làm sao để hoàn thành đề tài NCKH đúng hạn, có chất lượng mà vẫn đảm bảo việc học tập đạt kết quả tốt*”. Khó khăn này làm cho SV không tập trung trong khi học tập và NCKH. Lúc làm NCKH lại “*sợ*” không hoàn thành nhiệm vụ học tập, lúc tập trung vào học lại “*sợ*” không hoàn thành đề tài đúng hạn hoặc hoàn thành nhưng chất lượng không cao. “*Không có nhiều thời gian cho NCKH*” cũng là một trong những khó khăn có nhiều SV gặp phải - (91.3%). Đây là 2 khó khăn chủ yếu mà SV đã nêu ra, còn các khó khăn khác quan như: *tài liệu tham khảo thiếu thôn; giáo viên hướng dẫn không nhiệt tình...* có tỷ lệ SV trả lời ít hơn.

3.3. Hành vi vượt qua các khó khăn gặp phải trong hoạt động NCKH của sinh viên

Ý chí của SV được thể hiện rõ rệt nhất ở các hành vi khắc phục các khó khăn mà họ gặp phải trong hoạt động NCKH.

Bảng 3: Sinh viên vượt qua các khó khăn thường gặp phải trong khi NCKH

| TT | Các hành vi vượt qua khó khăn của SV | Các mức độ | | | | | | ĐTB | Thứ bậc |
|----|---|--------------|------|--------------|------|---------------|------|------|---------|
| | | Thường xuyên | | Thỉnh thoảng | | Không bao giờ | | | |
| | | SL | % | SL | % | SL | % | | |
| 1 | Tôi lập kế hoạch rất chi tiết khi nào thì dành thời gian cho việc học, khi nào thì dành thời gian để NCKH | 68 | 50 | 60 | 44.1 | 8 | 5.9 | 2.44 | 3 |
| 2 | Thầy cô hướng dẫn không nhiệt tình nên tôi phải tích cực, chủ | 32 | 23.5 | 74 | 54.4 | 30 | 22.1 | 2.01 | 6 |

| | | | | | | | | | |
|-------------|--|----|------|----|------|----|------|-------------|---|
| | động tìm gặp các giáo viên khác để nhờ thầy/cô giúp đỡ | | | | | | | | |
| 3 | Để hoàn thành đề tài NCKH đúng hạn, tôi phải dùng cả ngày thứ bảy, chủ nhật để đọc tài liệu, xây dựng đề cương, gặp giáo viên hướng dẫn | 70 | 51.5 | 58 | 42.6 | 8 | 5.9 | 2.46 | 2 |
| 4 | Tôi phải từ bỏ một số nhu cầu chưa cấp thiết để có kinh phí phục vụ nghiên cứu đề tài | 55 | 40.4 | 56 | 41.2 | 25 | 18.4 | 2.22 | 5 |
| 5 | Để có thể báo cáo kết quả nghiên cứu của mình một cách tốt nhất, tôi thường học hỏi kinh nghiệm của các thầy/cô hoặc anh/chị SV khoá trước | 63 | 46.3 | 53 | 39 | 20 | 14.7 | 2.32 | 4 |
| 6 | Để có tài liệu nghiên cứu tôi phải tìm kiếm từ nhiều nguồn khác nhau | 84 | 61.8 | 47 | 34.6 | 5 | 3.7 | 2.58 | 1 |
| Tổng | | | | | | | | 2.33 | |

Để vượt qua khó khăn “*Làm sao để hoàn thành đề tài NCKH đúng hạn, có chất lượng mà vẫn đảm bảo việc học tập đạt kết quả tốt*” có 68 SV (chiếm 50%) thường xuyên “*lập kế hoạch rất chi tiết khi nào thì dành thời gian cho việc học, khi nào thì dành thời gian để NCKH*”; để vượt qua khó khăn về “*Không có nhiều thời gian cho NCKH*” có 70 SV (chiếm 51.5%) thường xuyên dùng biện pháp “*dùng cả ngày thứ bảy, chủ nhật để đọc tài liệu, xây dựng đề cương, gặp giáo viên hướng dẫn*”; với khó khăn “*Thầy/cô hướng dẫn không nhiệt tình*” có 32 SV (chiếm 32.5%) thường xuyên sử dụng biện pháp: “*tích cực, chủ động tìm gặp các giáo viên khác để nhờ thầy/cô giúp đỡ*”...

So sánh các kết quả nghiên cứu chúng tôi thấy rằng, nhiều SV ý thức rất rõ về những khó khăn của bản thân họ, nhưng không phải tất cả tìm ra được các biện pháp phù hợp để vượt qua những khó khăn đó.

Với ĐTB chung về sự nỗ lực ý chí trong hoạt động NCKH của SV là 2.33, có thể nhận thấy, ý chí trong việc khắc phục các khó khăn mà SV gặp phải trong hoạt động NCKH ở mức trung bình. Như vậy, mặc dù SV Khoa Tâm lý học đã lựa chọn động cơ NCKH đúng đắn. Song, động cơ NCKH đó chưa thật mạnh để thúc đẩy SV vượt qua các khó khăn gặp phải, vươn lên đạt thành tích tốt trong NCKH.

4. Kết luận

Sinh viên Khoa Tâm lý học đã lựa chọn động cơ NCKH đúng đắn. Các khó khăn mà SV gặp phải trong hoạt động NCKH chủ yếu là các khó khăn về phía chủ thể SV, các khó khăn từ phía khách quan có ít SV gặp phải. SV đã có cố gắng, nỗ lực khắc phục các khó khăn mà họ gặp phải trong quá trình tham gia NCKH. Tuy nhiên, sự nỗ lực đó còn ở mức trung bình. Sinh viên ý thức rất rõ mục đích, động cơ NCKH của bản thân, các khó khăn mà họ gặp phải trong hoạt động NCKH,

nhưng họ chưa thường xuyên tiến hành các hành động ý chí để vượt qua các khó khăn đó.

Tài liệu tham khảo

1. Trường Đại học KHXH & NV. *Kỷ yếu Hội nghị Khoa học sinh viên*, lần thứ 10 (năm học 2004 - 2005); lần thứ 11 (năm học 2005 - 2006); lần thứ 12 (năm học 2006 - 2007).
2. Nguyễn Hồi Loan. *Động cơ học tập của sinh viên Trường Đại học KHXH & NV*. Đề tài NCKH, Hà Nội, 1999.
3. Nguyễn Văn Lược. *Nghiên cứu ý chí trong hoạt động học tập của sinh viên Khoa Tâm lý học, ĐH KHXH & NV*. Luận văn thạc sỹ Tâm lý học, Hà Nội, 2007.
4. Vũ Thị Nho. *Tâm lý học phát triển*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003.
5. Hoàng Thị Phương. *Kỹ năng nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường ĐHQG KHXH & NV (thực trạng và giải pháp)*. Khoá luận tốt nghiệp, Hà Nội, 2007.